

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>128.943.814.571</b>	<b>74.108.031.537</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.358.770.697</b>	<b>401.851.756</b>
1. Tiền	111		4.358.770.697	401.851.756
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.400.000.000</b>	
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.400.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>97.122.460.956</b>	<b>45.701.798.988</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	53.297.736.805	27.347.462.094
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	14.365.658.665	4.205.979.532
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.5a</b>		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.6a</b>	29.459.065.486	14.148.357.362
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.984.722.931</b>	<b>27.936.776.012</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.7</b>	25.984.722.931	27.936.776.012
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>77.859.987</b>	<b>67.604.781</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.8a</b>	77.859.987	67.604.781
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>166.186.501.475</b>	<b>125.667.220.113</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>33.968.709.295</b>	<b>39.127.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		12.000.000.000	10.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.6b</b>	21.968.709.295	28.527.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>68.965.754.078</b>	<b>61.953.256.233</b>



Công Ty Cổ Phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng  
Số 194 đường Kiều Hạ, P. Đông Hải 2, Q.Hải An, TP. Hải Phòng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33,535,048,134	61,686,210,774
- Nguyên giá	222		53,563,531,787	93,664,597,143
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20,028,483,653)	(31,978,386,369)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	35,430,705,944	267,045,459
- Nguyên giá	225		38,711,302,633	409,090,909
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(3,280,596,689)	(142,045,450)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>62,300,000,000</b>	<b>24,000,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		48,000,000,000	24,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14,300,000,000	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>952,038,102</b>	<b>586,963,880</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	952,038,102	586,963,880
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>295,130,316,046</b>	<b>199,775,251,650</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>101,600,204,965</b>	<b>85,322,942,717</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89,571,094,905</b>	<b>73,614,510,717</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	28,900,245,685	9,915,279,285
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	80,182,879	80,182,879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3,953,311,116	2,126,032,973
4. Phải trả người lao động	314		422,358,250	1,015,545,566
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		94,510,153	62,656,404
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	314,914,705	425,401,850
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	54,438,618,979	59,589,411,760
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,366,953,138	400,000,000



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12,029,110,060</b>	<b>11,708,432,000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	<b>V.16</b>	725,329,093	
7. Phải trả dài hạn khác	337			5,050,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	<b>V.15b</b>	11,303,780,967	6,658,432,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>193,530,111,081</b>	<b>114,452,308,933</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>193,530,111,081</b>	<b>114,452,308,933</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180,000,000,000	100,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180,000,000,000	100,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,443,688,139	400,000,000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12,086,422,942	14,052,308,933
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,284,932,656	6,015,552,468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10,801,490,286	8,036,756,465
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>295,130,316,046</b>	<b>199,775,251,650</b>

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)



Trần Thị Thu Lan

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)



Trinh Thị Hồng

Lập, Ngày 20 tháng 01 năm 2020

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3			4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79,570,638,925	33,179,752,688	231,817,576,358	142,316,704,389
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6,210,000	2,484,000	80,317,600	10,965,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		79,564,428,925	33,177,268,688	231,737,258,758	142,305,739,389
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	74,143,992,033	28,386,869,323	209,680,249,114	123,562,361,903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5,420,436,892	4,790,399,365	22,057,009,644	18,743,377,486
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	797,343,431	301,093,590	2,041,704,297	779,586,833
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,484,126,976	1,329,058,966	6,003,926,972	5,192,786,628
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	370,729,100	485,488,870	1,836,754,807	1,904,840,597
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	512,817,983	498,494,405	2,320,822,262	1,877,871,599
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		3,850,106,264	2,778,450,714	13,937,209,900	10,547,465,495
11. Thu nhập khác	31	VI.7	98,284,373	495,000	146,450,436	55,864,883
12. Chi phí khác	32	VI.8		23,365,622	203,362,673	163,972,634
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		98,284,373	(22,870,622)	(56,912,237)	(108,107,751)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3,948,390,637	2,755,580,092	13,880,297,663	10,439,357,744
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	793,124,881	552,123,891	2,790,807,377	2,114,601,279
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3,155,265,756	2,203,456,201	11,089,490,286	8,324,756,465
* Lợi nhuận được chia của công ty con					4,320,000,000	
** Tổng Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ			3,155,265,756	2,203,456,201	15,409,490,286	8,324,756,465
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: (\*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trịnh Thị Hương

Ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:



Mẫu số: B03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		279,441,223,953	158,447,832,972
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(213,368,179,902)	(143,098,152,751)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6,440,404,863)	(4,590,579,499)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6,004,021,123)	(5,211,085,307)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,624,881,401)	(2,784,808,212)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19,070,970,943	28,305,266,316
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54,626,495,526)	(16,746,331,542)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16,448,212,081</b>	<b>14,322,141,977</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12,880,666,000)	(6,428,175,005)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19,119,081,811	255,200,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39,200,000,000)	(21,600,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9,500,000,000	11,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(38,300,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,433,999,220	396,975,874
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(54,327,584,969)</b>	<b>(16,375,999,131)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		65,000,000,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		119,913,035,758	117,009,910,522
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(137,424,247,484)	(116,013,997,208)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4,294,824,376)	(127,500,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>43,193,963,898</b>	<b>868,413,314</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>5,314,591,010</b>	<b>(1,185,443,840)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>401,851,756</b>	<b>1,587,295,596</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>			



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	5.716.442.766	401.851.756

Lập, Ngày 20 tháng 01 năm 2020

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)



**Trần Thị Thu Lan**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)



**Trịnh Thị Hương**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Trần Thị Thu Phương**

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì  
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì giấy nhãn và giấy bì;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phần;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  
Chi tiết: Giấy, bì carton, giấy tráng phần;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác  
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Công ty con:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	KCN Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	80%	80%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

---

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

#### **ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-06

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Máy móc thiết bị	02 - 15

#### 7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

BCC được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

#### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

---

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “ Chi phí đi vay”.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

##### ***Các quỹ khác***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

##### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

##### ***a) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

##### ***b) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

---

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

#### **c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

#### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

---

#### **19. Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

###### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

###### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

###### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

###### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

---

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	525.226.351	365.759.520
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.833.544.346	36.092.236
<b>Cộng</b>	<b>4.358.770.697</b>	<b>401.851.756</b>

##### 2. Đầu tư tài chính

###### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD		
Tiền gửi tại TPBank (*)	600.000.000	0
Tiền gửi tại Vietinbank (**)	500.000.000	0
Trái phiếu tại Vietinbank (***)	300.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>0</b>

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, bao gồm:

(\*) Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 6,5%/ năm kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 29/5/2019.

(\*\*) Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam-Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 500.000.000 đồng, lãi suất 6,4%/ năm, kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 29/5/2019.

(\*\*\*) Tiền đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 300.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày 10/07/2019.

###### b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị Dự phòng	Giá trị Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>62.300.000.000</b>	<b>- 24.000.000.000</b>
Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam(*)	48.000.000.000	- 24.000.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>14.300.000.000</b>	<b>- -</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco(**)	300.000.000	-
Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Hoàng Hà (***)	14.000.000.000	- -
<b>Cộng</b>	<b>62.300.000.000</b>	<b>- 24.000.000.000</b>

(\*) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700219848 lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 09 tháng 09 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là 48.000.000.000 VNĐ, tương đương 80% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(\*\*) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108771752 lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 06 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng cam kết đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco là 300.000.000 VNĐ, tương đương 1,2% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 Công ty đã góp đủ 300.000.000 VNĐ.

(\*\*\*) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108828180 lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 17 tháng 07 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Tập Đoàn Hoàng Hà là 14.000.000.000 VNĐ, tương đương 14% vốn điều lệ. Tại ngày 10 tháng 12 năm 2019 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>5.244.603.845</b>	<b>1.710.100.805</b>
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	5.244.603.845	1.710.100.805
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>48.053.132.960</b>	<b>25.637.361.289</b>
Công ty CP Bao Bì Hùng Vương	1.322.663.980	4.644.679.868
Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà	2.388.000.208	4.995.068.325
Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B	3.461.731.800	4.411.940.860
Công ty cổ phần tổng công ty Dulico	9.359.539.285	
Công ty cổ phần bao bì Xuân Cầu	2.319.079.060	
Công ty TNHH Thương Mại Quân Phong	4.352.924.321	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Phúc	3.509.878.608	
Công ty CP Bao Bì Hoàng Hà Việt Nam	1.271.838.590	2.339.563.930
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Hoàng Hà	4.513.641.280	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm	5.622.504.520	2.795.135.090
Các khách hàng khác	9.931.331.308	8.790.537.146
<b>Cộng</b>	<b>53.297.736.805</b>	<b>27.347.462.094</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
GUANGXI PINGXIANG CITY TIANRUN TRADING CO.,LTD	-	1.768.533.107
Công ty CP Đầu Tư và phát triển nhà Trường Linh	12.578.416.000	
Công ty TNHH Tư Vấn sản xuất Giấy Hoàng Hà	-	2.227.118.425
Các nhà cung cấp khác	1.787.242.665	210.328.000
<b>Cộng</b>	<b>14.365.658.665</b>	<b>4.205.979.532</b>

#### 5. Phải thu về cho vay

##### *Phải thu về cho vay dài hạn*

Là khoản cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (Công ty con) vay với lãi suất 9%/năm theo Hợp đồng cho vay số 3005/2018/HD/HP-HNA ngày 30/05/2018. Tổng số tiền cho vay là 12.000.000.000 VNĐ.

#### 6. Phải thu ngắn hạn dài hạn khác

##### a) Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>287.889.227</b>	-	<b>473.002.942</b>	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	287.889.227	-	90.391.983	-
Phải thu lãi cho vay - Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam	0	-	382.610.959	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>29.171.176.259</b>	-	<b>13.675.354.420</b>	-
Tạm ứng(*)	7.853.150.129	-	6.664.729.419	-
Ký cược, ký quỹ cá nhân(**)	21.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ khác	0	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	318.026.130		10.625.001	
<b>Cộng</b>	<b>29.459.065.486</b>	-	<b>14.148.357.362</b>	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

(\*)Phần lớn là các khoản tạm ứng cho các trạm thu mua giấy phế liệu của Công ty, phát sinh tạm ứng bổ sung và hoàn ứng bằng nguyên liệu liên tục trong kỳ.

(\*\*) - Là khoản đặt cọc cho Bà Nguyễn Thị Thu Thủy và Vũ Thị Hằng để mượn tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Ngô Quyền và ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Khoản đặt cọc sẽ được hoàn trả khi các tài sản đảm bảo được ngân hàng giải chấp. Chi tiết tài sản thế chấp được thuyết minh tại chỉ tiêu V.15a

(\*\*) Là khoản đặt cọc cho Ông Nguyễn Trần Nhật Đức để mượn 03 tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Ngô Quyền, ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công và ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hải Phòng. Khoản đặt cọc này có thu lãi hàng quý và sẽ được hoàn trả khi các tài sản đảm bảo được ngân hàng giải chấp. Chi tiết tài sản thế chấp được thuyết minh tại chỉ tiêu V.15a

#### b) Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	<b>8.500.000.000</b>	-
Hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc(*)	-	-	8.500.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>21.995.709.295</b>	-	<b>20.027.000.000</b>	-
Hợp tác kinh doanh - Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (**)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.968.709.295	-	27.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.968.709.295</b>	-	<b>28.527.000.000</b>	-

(\*) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/BBPB ngày 08/1/2013 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/3/2013. Theo đó, Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng chịu trách nhiệm đầu tư toàn bộ về nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, trạm biến áp, nồi hơi và 2 dây chuyền sản xuất bao bì carton công suất 12.000 tấn/năm và 6.000 tấn/năm. Tổng giá trị đầu tư là 8.500.000.000 VND. Quyền lợi Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng nhận được là:

+ Được nhận phần tiền vốn góp cố định từ Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc là 5.050.000.000 VND (Trường hợp Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng không tiếp tục hợp tác kinh doanh thì Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc sẽ được quyền mua lại dây chuyền máy móc thiết bị với giá cả thỏa thuận và số tiền này sẽ được bù trừ sang hợp đồng mua bán máy móc thiết bị sẽ ký kết giữa hai bên).

+ Được quyền thu lại chi phí bảo vệ, vệ sinh lao vụ, tiền điện, nước theo thực tế sử dụng của Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc.

+ Được nhận một khoản tiền bù đắp chi phí khấu hao 50.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 01/01/2017, tiền bù đắp chi phí khấu hao được điều chỉnh là 60.000.000/tháng.

+ Được chia 20% kết quả thu được từ hoạt động khai thác dây chuyền sản xuất bao bì công suất 12.000 tấn năm sau khi Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc hoàn thành các nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước.

Căn cứ Biên bản thanh lý Hợp tác kinh doanh ký ngày 31 tháng 5 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đã hoàn thành thủ tục giải chấp tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất bao bì công suất 12.000 tấn/năm và máy móc thiết bị sản xuất bao bì Carton và in nhãn mác hàng hóa công suất 6.000 tấn/năm tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền trong tháng 5 năm 2019, do vậy đủ điều kiện để hai bên thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/BBPB ngày 08 tháng 01 năm 2013.

Ngày 01 tháng 06 năm 2019, Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng đã ký Hợp đồng số: 0106-2019/HHP-PB với Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc để chuyển nhượng lại toàn bộ hệ thống thiết



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

bị thuộc dây chuyền sản xuất bao bì Carton nêu trên cho Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc, đồng thời ký Hợp đồng Số 0106-2019/CTNX-HHP-PB cho Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc thuê Nhà xưởng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

(\*\*) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017. Theo đó hai bên hợp tác thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m<sup>2</sup> tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m<sup>2</sup> và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20.000.000.000 VNĐ tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án có doanh thu, Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư tương đương 40% doanh thu thu được hàng tháng và 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án.

Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với 02 công trình trên đất là Nhà kho (DTXD 877,5m<sup>2</sup>) và Nhà văn phòng, làm việc (DTXD 111,8m<sup>2</sup>; DTSD 226,8m<sup>2</sup>) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE792947 ngày 7/2/2018. Văn bản số 470/SXD\_QHKT ngày 6/2/2018 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã xác nhận khu đất trên được quy hoạch là đất ở. Ngày 22/6/2018 UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3095/VP-ĐC2 gửi Sở Xây dựng và UBND quận Hồng Bàng để kiểm tra cụ thể về nguồn gốc đất đai; Ngày 05/7/2018 UBND quận Hồng Bàng có Văn bản 875/UBND-TN&MT; Ngày 17/7/2018 UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4395/UBND-ĐC2 giao Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo. Ngày 25/7/2018 Sở Xây dựng đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thống nhất đề nghị UBND thành phố cho phép đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại, đồng thời có văn bản số 2739/SXD-QHKT ngày 03/8/2018 gửi UBND thành phố Hải Phòng về việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án phát triển nhà tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng. Ngày 28/9/2018, UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 4561/VP-QH gửi Sở Xây dựng về việc kiểm tra sự phù hợp của dự án. Ngày 18/7/2019, UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4296/UBND-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu kiểm tra, đề xuất, báo cáo UBND thành phố. Ngày 06/8/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 3255/SXD-QHKT gửi UBND thành phố Hải Phòng báo cáo về việc đã đưa dự án phát triển nhà tại đường An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng của Công ty vào kế hoạch để trình duyệt kỳ này. Ngày 16/10/2019, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3610/VP-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu giải trình, làm rõ một số nội dung để trình lãnh đạo UBND thành phố xem xét, quyết định. Ngày 04/11/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 4831/SXD-QHKT gửi Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng và ngày 25/11/2019 vừa qua Ban cán sự đảng UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 756/CV-BCS gửi thường trực Thành ủy xin chấp thuận về mặt chủ trương. Đến nay, dự án vẫn đang được Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tích cực phối hợp với các Ban ngành có liên quan triển khai theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.041.177.985	-	20.991.758.110	-
Công cụ, dụng cụ	397.702.474	-	371.011.750	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.651.009.377	-	1.019.704.263	-
Thành phẩm	3.894.833.095	-	5.554.301.889	-
<b>Cộng</b>	<b>25.984.722.931</b>	<b>-</b>	<b>27.936.776.012</b>	<b>-</b>

#### 8. Chi phí trả trước

##### a) Chi phí trả trước ngắn hạn



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ dụng cụ	77.859.987	64.271.445
Chi phí bảo hiểm	-	3.333.336
<b>Cộng</b>	<b>77.859.987</b>	<b>67.604.781</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ dụng cụ	952.038.102	586.963.880
<b>Cộng</b>	<b>952.038.102</b>	<b>586.963.880</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	18.068.470.367	71.579.245.398	4.016.881.378	93.664.597.143
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.592.671.271)	(641.985.000)	(52.234.656.271)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.068.470.367</b>	<b>21.910.905.945</b>	<b>3.374.896.378</b>	<b>43.354.272.690</b>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	299.405.000	618.769.105	918.174.105
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	5.144.917.195	24.735.997.849	2.097.471.325	31.978.386.369
Khấu hao trong kỳ	955.926.300	2.963.644.763	407.910.306	4.327.481.369
Thanh lý, nhượng bán	-	(15.635.399.085)	(641.985.000)	(16.277.384.085)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.100.843.495</b>	<b>12.064.243.527</b>	<b>1.863.396.631</b>	<b>20.028.483.653</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	12.923.553.172	46.843.247.549	1.919.410.053	61.686.210.774
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.967.626.872</b>	<b>8.641.692.180</b>	<b>1.742.152.133</b>	<b>22.351.471.185</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	409.090.909	409.090.909
Thuê tài chính trong kỳ	38.711.302.633	-	38.711.302.633
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38.711.302.633</b>	<b>409.090.909</b>	<b>39.120.393.542</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	142.045.450	142.045.450
Khấu hao trong kỳ	3.280.596.689	51.136.362	3.331.733.051
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.280.596.689</b>	<b>193.181.812</b>	<b>3.473.778.501</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	267.045.459	267.045.459
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>35.430.705.944</b>	<b>215.909.097</b>	<b>35.646.615.041</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.897.723.190</b>	<b>1.897.723.190</b>	<b>474.607.665</b>	<b>474.607.665</b>
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	1.897.723.190	1.897.723.190	474.607.665	474.607.665
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	0	0	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>27.002.522.495</b>	<b>27.002.522.495</b>	<b>9.440.671.620</b>	<b>9.440.671.620</b>
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh	1.673.024.320	1.673.024.320	1.245.092.155	1.245.092.155
Công ty cổ phần Vimarko	0	0	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng	1.374.489.600	1.374.489.600	2.756.648.000	2.756.648.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phương Chi	-	-	1.359.379.353	1.359.379.353
Công ty TNHH Sản xuất Hóa chất Thương mại Dịch vụ Gia Định	496.969.000	496.969.000	1.622.610.000	1.622.610.000
NEWPORT CH INTERNATIONAL LLC	1.142.967.904	1.142.967.904	-	-
Hawa Singapore (PTE) LTC	2.217.382.672	2.217.382.672	-	-
Các nhà cung cấp khác	20.097.688.999	20.097.688.999	2.456.942.112	2.456.942.112
<b>Cộng</b>	<b>28.900.245.685</b>	<b>28.900.245.685</b>	<b>9.915.279.285</b>	<b>9.915.279.285</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)****12. Người mua trả tiền trước**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Giao Nhận Topasia	59.336.979	59.336.979
WELL FRESH CO., LTD	20.845.900	20.845.900
<b>Cộng</b>	<b>80.182.879</b>	<b>80.182.879</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.366.103.879	34.311.268.480	(33.653.816.317)	2.023.556.042
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.411.201.536	(6.411.201.536)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	745.529.094	2.790.807.377	(1.620.981.397)	1.915.355.074
Thuế thu nhập cá nhân	14.400.000	14.400.000	(14.400.000)	14.400.000-
Các loại thuế khác	-	3.900.004	(3.900.004)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.126.032.973</b>	<b>43.504.431.808</b>	<b>(41.704.299.254)</b>	<b>3.953.311.116</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.9

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Phải trả khác****Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>273.600.000</b>	<b>273.600.000</b>
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	273.600.000	273.600.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>41.314.705</b>	<b>151.801.850</b>
Kinh phí công đoàn	41.314.705	23.192.562
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	128.609.288
<b>Cộng</b>	<b>314.914.705</b>	<b>425.401.850</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)

#### 15. Vay và nợ thuê tài chính

##### a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>54.438.618.979</b>	<b>54.438.618.979</b>	<b>59.589.411.760</b>	<b>59.589.411.760</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	48.619.756.855	54.140.496.093	55.683.560.761	55.683.560.761
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a)	28.610.653.470	30.836.469.140	36.447.814.464	36.447.814.464
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)	0	0	7.384.182.969	7.384.182.969
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (c)	15.909.004.021	15.909.004.021	11.851.563.328	11.851.563.328
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam(d)	4.100.099.364	4.100.099.364	-	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả			3.788.976.000	3.788.976.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Xem Thuyết minh V.15b)			3.699.376.000	3.699.376.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-	89.600.000	89.600.000
Nợ tài chính dài hạn đến hạn trả	5.818.862.124	5.818.862.124	116.874.999	116.874.999
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội	5.818.862.124	5.818.862.124	116.874.999	116.874.999
<b>Cộng</b>	<b>54.438.618.979</b>	<b>54.438.618.979</b>	<b>59.589.411.760</b>	<b>59.589.411.760</b>

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay hạn mức Số: 01/ 2019-HĐCVHM/NHCT168- HHHP ngày 31 tháng 03 năm 2019. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/ 2018-HĐCVHM/NHCT168- HHHP ngày 21 tháng 03 năm 2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng đính kèm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft các loại theo giấy đăng ký kinh doanh trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức với tổng mức dư nợ vay VND theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 39.000.000.000 VNĐ. Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức là kể từ ngày 31/03/2019 đến hết ngày 31/03/2020. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBĐS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương. Giá trị tài sản thế chấp là 3.174.000.000 VND.

(2) Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/HĐTC-MMTB ngày 08/09/2014. Tài sản thế chấp là lò hơi công nghệ tăng sôi 9 tấn/giờ. Giá trị tài sản thế chấp là 3.845.000.000 VND.

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013 giá trị tài sản thế chấp là 10.250.000.000 VND.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

(4) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương. Giá trị tài sản thế chấp là 300.000.000 VND.

(5) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/VKT/HĐTC/2012 ngày 24/12/2012. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên 8.890 m<sup>2</sup> đất thuê tại phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng. Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/SĐ-02/DCMMTB/HĐTC/2012 ngày 18/02/2014 xác định giá trị tài sản thế chấp là 10.878.617.000 VND.

(6) Hợp đồng thế chấp hàng hóa bổ sung số 01/2014-HĐTCHH ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa được hình thành từ vốn vay đang được đi đường hoặc được giữ tại kho hàng của đơn vị tại số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng hoặc tại bất kỳ kho hàng nào khác (tại hiện tại hoặc tương lai) được sử dụng để chứa hàng hóa được phản ánh trong sổ sách kế toán hoặc chứng từ kho hàng.

+ Các quyền lợi ích của đơn vị phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản đã nêu trên.

+Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà đơn vị có thể nhận được sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực để mua bán, trao đổi, cho thuê, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập nêu trên.

(7) Hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung số 01/2014-HĐTCQTS ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản của đơn vị từ toàn bộ các khoản phải thu được hình thành từ vốn vay tại mọi thời điểm phát sinh dưới hình thức các Hợp đồng kinh tế và các hình thức ký kết văn bản khác.

(b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 113/2019/HĐTD/LNH/01 ngày 08 tháng 03 năm 2019. Hạn mức vay 10.000.000.000 VND, mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft. Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng từ ngày 08/03/2019 đến ngày 08/03/2020. Giá trị Hạn mức cho vay trên đã bao gồm số dư nợ của khách hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 23/2018/HĐTD/LNH/01 ký ngày 28 tháng 01 năm 2018. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa không vượt quá 6 tháng đối với mục đích thanh toán tiền cho các phương án mua hàng trong nước, thanh toán thư tín dụng trả ngay và không quá 6 tháng trừ đi thời hạn trả chậm của thư tín dụng với mục đích thanh toán thư tín dụng trả chậm. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quốc Khánh và bà Vũ Thị Hằng tại địa chỉ số 29 tổ 65 trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng theo Hợp đồng đảm bảo số 254-02/HĐTC/TPBANK.LNH-HH ký kết ngày 12 tháng 3 năm 2015. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 7.315.000.000 VND.

(c) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/18/HM/14185005 ký ngày 01/06/2018 và số 02/19/HM/14185005 ký ngày 19/12/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công. Tổng mức dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức Cho vay là 25.000.000.000. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo từng thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn Cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là Tài trợ các như cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CH 565026, sổ vào sổ cấp GCN CS 09438 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2017, địa chỉ tại căn hộ chung cư số 1606 Nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Chủ sở hữu là bà Trần Thị Thu Phương. Trị giá: 2.585.000.000 đồng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(2) Nhà kho và văn phòng làm việc hình thành trên đất của Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101149782 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2017 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 792947 do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/11/2016. Trị giá 2.309.000.000 đồng.

(3) Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số: AN 279278, số vào sổ cấp GCN: H 145.BĐ.2008 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/10/2008, địa chỉ tại: Số 29, Tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Chủ sở hữu là Ông: Trần Quốc Khánh và Bà: Vũ Thị Hằng. Trị giá 6.766.000.000

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2019/7607651 ký ngày 03 tháng 06 năm 2019. Hạn mức tối đa là 25.000.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, mở L/C. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức. Giá trị tài sản thế chấp là: 7.276.836.000 đồng

(2) Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 30F-23947 nhãn hiệu Mazda loại xe ô tô du lịch 05 chỗ ngồi năm sản xuất 2018. Giá trị tài sản thế chấp là 850.000.000 đồng

**Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	55.683.560.761	84.645.675.752	-	(86.188.740.420)	54.140.496.093
Vay dài hạn đến hạn trả	3.788.976.000		3.851.031.699	(7.640.007.699)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	116,874,999		4,451,078,412	(4.294.824.376)	273.129.035
Cộng	55,800,435,760	84,645,675,752	4,451,078,412	(98.123.572.495)	54.413.625.128

#### b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng			6.658.432.000	6.658.432.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Ngô Quyền (a)			6.658.432.000	6.658.432.000
Nợ thuê tài chính	17.122.643.091	17.122.643.091	-	-
- Công ty cho thuê Tài chính Chailease (b)	17.122.643.091	17.122.643.091	-	-
Cộng	17.122.643.091	17.122.643.091	6.658.432.000	6.658.432.000

(a) Là khoản vay còn lại của ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2012 ngày 24/12/2012. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua lại tài sản cố



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

định của Hợp tác xã xí nghiệp sản xuất giấy Đức Dương và Công ty Cổ phần Bao bì và in công nghệ cao Đình Vũ. Số tiền cho vay ban đầu là 24.075.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 114 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ. Thời điểm cuối tháng 8/2019 khoản vay này đã được tất toán trả nợ trước hạn.

Các hợp đồng vay trên được thế chấp bằng các tài sản thế chấp giống như khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương chi nhánh Ngô Quyền (Xem TM số V.15a)

(b) Là khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội cho các tài sản sau:

(1) Chiếc xe nâng hiệu Hangcha có giá trị 450.000.000 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Giá trị thuê là 382.500.000. Ngày bắt đầu thuê: 28/11/2016. Thời hạn thuê: 36 tháng. Lãi suất thuê được xác định như sau:

Từ kỳ thanh toán tiền thuê đầu tiên đến kỳ thứ 6: lãi suất cố định: 9.65%

Từ kỳ thanh toán thứ 7 trở đi: lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 2.53%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

(2) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 7.291.715.840 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 22/02/2019. Thời hạn thuê: 42 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

(3) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 35.290.717.056 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 04/04/2019. Thời hạn thuê: 47 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại tài chính chưa phân bổ trị giá 897.117.565đ, và sẽ được phân bổ trong 47 kỳ phát sinh của HĐ thuê mua tài chính kể từ kỳ đầu tiên.

#### 17. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	400.000.000	6.015.552.468	106.415.552.468
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	8.324.756.465	8.324.756.465
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>14.052.308.933</b>	<b>114.452.308.933</b>
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	400.000.000	14.052.308.933	114.452.308.933
Tăng vốn điều lệ	80.000.000.000			80.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	15.436.635.875	15.436.635.875
Trả cổ tức cho cổ đông			(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	1.043.688.139	(2.087.376.277)	(1.043.688.138)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>1.443.688.139</b>	<b>12.401.568.531</b>	<b>193.845.256.670</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Nghị quyết đại cổ đông số 01/2019/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2019 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2018 như sau:

*Trích lập quỹ đầu tư phát triển* : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018

*Trích lập quỹ khen thưởng* : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018

*Trích lập quỹ phúc lợi* : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018

Nghị quyết đại cổ đông số 01/2019/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2019 và nghị quyết HĐQT số 04-2019/NQ-HHP-HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2019 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến là 1.500.000 cổ phiếu, tổng giá trị dự kiến phát hành là 15.000.000.000 đồng.

Nghị quyết HĐQT số 07-2019/NQ-HHP-HĐQT ngày 26 tháng 7 năm 2019 đã thống nhất ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu là ngày 08 tháng 08 năm 2019.

#### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

#### 18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

##### A, Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	3574,94	296,77

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>231.817.576.358</b>	<b>142.316.704.389</b>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>88.974.198.617</i>	<i>28.728.775.554</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>140.849.331.130</i>	<i>111.816.377.726</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>1.994.046.611</i>	<i>1.771.551.109</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>80.317.600</b>	<b>10.965.000</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>80.317.600</i>	<i>10.965.000</i>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>231.817.576.358</b>	<b>142.305.739.389</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	208.691.905.661	122.529.077.051
Giá vốn khác	1.053.448.035	1.033.284.852
<b>Cộng</b>	<b>209.745.353.696</b>	<b>123.562.361.903</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.182.646	1.359.256
Lãi tiền cho vay	2.022.817.806	778.227.577
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.703.845	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.320.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.361.704.297</b>	<b>779.586.833</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	5.766.530.024	5.189.477.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	237.491.009	3.309.413
<b>Cộng</b>	<b>6.004.021.033</b>	<b>5.192.786.628</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	758.698.129	592.250.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.206.064	441.232.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	811.843.122	823.845.452
Các chi phí khác	68.007.492	47.512.135
<b>Cộng</b>	<b>1.836.754.807</b>	<b>1.904.840.597</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	911.571.719	892.065.983
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.353.998	40.455.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.754.004	282.755.995
Thuế, phí và lệ phí	489.805.199	154.865.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.837.279	236.596.928
Các chi phí khác	231.353.831	271.131.210
<b>Cộng</b>	<b>2.343.676.030</b>	<b>1.877.871.599</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	50.000.000	38.130.728
Giảm thuế do hạch toán nhầm	-	17.184.073
Thu nhập khác	96.450.437	550.082
<b>Cộng</b>	<b>146.450.437</b>	<b>55.864.883</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Điều chỉnh công nợ	1	10.758.011
Chi phí khác	106.554.305	153.214.623
Tổn thất do hỏa hoạn	96.808.368	
<b>Cộng</b>	<b>203.362.674</b>	<b>163.972.634</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.200.297.663	10.439.357.744
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(4.246.260.779)	-
Các khoản điều chỉnh tăng	135.727.946	-
- <i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>	135.727.946	-
Các khoản điều chỉnh giảm	4.381.988.725	-
- <i>Lợi nhuận được chia từ công ty con</i>	4.320.000.000	-
- <i>Lãi thu từ hợp tác kinh doanh</i>	61.988.725	-
Thu nhập chịu thuế	13.954.036.884	10.439.357.744
Thu nhập tính thuế	13.954.036.884	10.439.357.744
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.790.807.377</b>	<b>2.114.601.279</b>
<b>Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.790.807.377</b>	<b>2.114.601.279</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đã nộp hết số thuế TNDN phải nộp năm 2018 và một phần thuế TNDN phải nộp năm 2019.

#### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu



Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Hương

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương